TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-ST
Ngày: 09/12/2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2020/TLST-DS, ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam.**

Người đại diện theo pháp luật là ông **Tiết Văn Th**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: số 18, đường Trần Hữu D, khu đô thị mới M.Đ, phường M.Đ, quận T. L, Thành phố H.N.

Người đại diện theo ủy quyền là anh **Lê Minh Ch**, sinh năm 1989, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K.H, theo Quyết định ủy quyền số: 180/QĐ-NHNo.KH, ngày 18/8/2020 (có mặt).

Địa chỉ: số 4, tổ 17, ấp 1, xã Hòn Tr, huyện K.H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Cái Quang Đ**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thị Q,** sinh năm 1979 (cả hai đều vắng mặt).

Cư trú cùng địa chỉ: số 78, đường Tôn Thất Đ, phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam là anh Lê Minh Ch trình bày: Vào năm 2018, ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q đến Ngân hàng NN và PT Nông thôn Chi nhánh huyện K.H ký kết 03 Hợp đồng tín dụng để vay tiền, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369, ngày 07/6/2018: Số tiền vay: 2.450.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: bù đắp tài chính gia đình (trả tiền mua 01 tàu); Định kỳ trả nợ gốc: 01 năm/ 01 lần, vào ngày 30/5; Lãi suất vay: trong hạn là 11%/năm, quá hạn là 16,5%/năm; Định kỳ trả nợ lãi: 03 tháng/ 01 lần, vào ngày 30; thời hạn cho vay: 07 năm; Hạn trả cuối cùng: ngày 30/5/2025;

2. Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800618, ngày 07/9/2018: Số tiền vay: 1.550.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: bù đắp tài chính gia đình (trả tiền mua 01 tàu); Định kỳ trả nợ gốc: 01 năm/ 01 lần, vào ngày 30/9; Lãi suất vay: trong hạn là 11%/năm, quá hạn là 16,5%/năm; Định kỳ trả nợ lãi: 03 tháng/ 01 lần, vào ngày 30; thời hạn cho vay: 07 năm; Hạn trả cuối cùng: ngày 01/9/2025;

3. Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800746, ngày 08/11/2018: Số tiền vay: 2.250.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: bù đắp tài chính gia đình (trả tiền mua nhà ở, sửa tàu); Định kỳ trả nợ gốc: 01 năm/ 01 lần, vào ngày 30/11; Lãi suất vay: trong hạn là 11%/năm, quá hạn là 16,5%/năm; Định kỳ trả nợ lãi: 03 tháng/ 01 lần, vào ngày 30; thời hạn cho vay: 07 năm; Hạn trả cuối cùng: ngày 02/11/2025;

Tài sản đảm bảo cho 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: D6-55, đường Trần Huy L, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Trong đó phần đất ở thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61, diện tích: 90,0 m^2; phần nhà ở có diện tích xây dựng: 72,5 m^2, diện tích sàn 150,0 m^2, kết cấu nhà cấp 3. Nhà và đất nêu trên được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và ở tài sản khác gắn liền với đất số: BE 853926, số vào sổ cấp GCN: CH001094, do UBND thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Ngô Kim L ngày 13/6/2011, sau đó được biến động sang tên cho ông Cái Quang Đ vào ngày 05/11/2018. Được các bên ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7708LCL201800616, ngày 05/11/2018, đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/11/2018 và xác nhận đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG vào ngày 06/11/2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: số 107, đường Nguyễn GT, phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Trong đó phần đất ở có diện tích 119,5 m^2, đất trồng cây lâu năm có diện tích 16,5 m^2, thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 36; phần nhà ở có diện tích xây dựng: 64,41 m^2, kết cấu nhà cấp 4 + tạm. Nhà và đất nêu trên được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và ở tài sản khác gắn liền với đất số:

BY 648017, số vào sổ cấp GCN: CH00776, do UBND thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Phạm Thị C ngày 12/02/2015, sau đó được biến động sang tên cho ông Cái Quang Đ vào ngày 07/02/2018. Được các bên ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7708LCL201800126, ngày 08/3/2018, đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/3/2018 và xác nhận đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG vào ngày 09/3/2018.

+ Tàu đánh cá biển số: KG-91679-TS, dài 19,00 m, rộng 4,66 m, chiều cao mạn 2,25 m, vật liệu vỏ: gỗ + Composite, tổng dung tích: 60,21, sức chở tối đa: 38,41 tấn, máy HINO: V25C, công suất 450 CV. Được các bên ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800301, ngày 06/6/2018, đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/6/2018 và đã được chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố HCM vào ngày 08/6/2018.

+ Tàu đánh cá biển số: KG-95516-TS, dài 16,90 m, rộng 4,20 m, chiều cao mạn 1,80 m, vật liệu vỏ: gỗ + Composite, tổng dung tích: 40,82, sức chở tối đa: 21,28 tấn, máy CUMMINS: KT-19M, công suất 425 CV. Được các bên ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800127, ngày 08/3/2018, đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/3/2018 và đã được chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố HCM vào ngày 27/4/2018.

+ Tàu đánh cá biển số: KG-95853-TS, dài 21,00 m, rộng 5,15 m, chiều cao mạn 2,60 m, vật liệu vỏ: gỗ + Composite, tổng dung tích: 77,96, sức chở tối đa: 44,89 tấn, máy HINO: F20C, công suất 360 CV. Được các bên ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800523, ngày 06/9/2018, đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/9/2018 và đã được chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố HCM vào ngày 07/9/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đ và bà Q đã thanh toán cho ngân hàng khoản nợ lãi đối với Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369 được 193.513.598 đồng, đối với Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800618 được 100.219.179 đồng thì ngưng không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Đ và bà Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ dư nợ của 03 hợp đồng nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến thời điểm ngày 09/12/2020 thì ông Đ và bà Q còn nợ ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369 với số tiền gốc là 2.450.000.000 đồng, lãi trong hạn là 482.820.549 đồng, lãi quá hạn là 18.447.917 đồng; theo Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800618 với số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng, lãi trong hạn là 284.690.410 đồng, lãi quá hạn là 2.320.548 đồng; theo Hợp đồng tín dụng số

7708-LAV-201800746 với số tiền gốc là 2.250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 516.698.630 đồng, lãi quá hạn là 18.832.000 đồng.

Nay anh Lê Minh Ch yêu cầu vợ chồng ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q trả cho Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam khoản nợ theo 03 Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369, số 7708-LAV-201800618, số 7708-LAV-201800746 tính đến ngày 09/12/2020 là 7.573.810.054 đồng (trong đó nợ vay vốn gốc là 6.250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.284.209.589 đồng, lãi quá hạn là 39.600.465 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính trên số dư nợ gốc từ ngày 10/12/2020 cho đến khi tất toán nợ. Trường hợp ông Đ và bà Q không trả được nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam yêu cầu bị đơn – ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q thanh toán khoản nợ vay tín dụng đã quá hạn thực hiện hợp đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn - ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Lê Minh Ch yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn - ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án là 03 hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369, số 7708-LAV-201800618, số 7708-LAV-201800746; phương án sử dụng vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BE 853926 và số: BY 648017; 03 giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 697/2018, số: 271/2018, số: 1033/2018; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7708LCL201800616, ngày 05/11/2018; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7708LCL201800126, ngày 08/3/2018; hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800301, ngày 06/6/2018; hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800127, ngày 08/3/2018; hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800523, ngày 06/9/2018 (toàn bộ photo, sao y), bảng kê tính lãi lập ngày 09/12/2020 (bản gốc) thể hiện những nội dung chính sau: "Vào năm 2018, ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q đến Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K.H ký kết 03 Hợp đồng tín dụng để vay tổng số tiền 6.250.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là: 1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: D6-55, đường Trần Huy L, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; 2. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: số 107, đường Nguyễn GT, phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; 3. Tàu đánh cá biển số: KG-91679-TS; 4. Tàu đánh cá biển số: KG-95516-TS; 5. Tàu đánh cá biển số: KG-95853-TS. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đ và bà Q đã thanh toán cho ngân hàng khoản nợ lãi đối với Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369 được 193.513.598 đồng, đối với Hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800618 được 100.219.179 đồng thì ngưng không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Đ và bà Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ dư nợ của 03 hợp đồng nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến thời điểm ngày 09/12/2020 thì ông Đ và bà Q còn nợ ngân hàng số tiền 7.573.810.054 đồng (trong đó nợ vay vốn gốc là 6.250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.284.209.589 đồng, lãi quá hạn là 39.600.465 đồng)". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – ông Đ, bà Q đều không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam mặc dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – ông Đ, bà Q không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định thỏa thuận giữa Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam và ông Đ, bà Q là hợp đồng vay tín dụng. Xét hợp đồng tín dụng nêu trên đã được các bên ký kết đúng trình tự theo quy định pháp luật và hoàn toàn tự nguyện, việc nguyên đơn - Ngân hàng N Nva2 PT Nông thôn Việt Nam khởi kiện trong thời gian thực hiện hợp đồng là do bị đơn – ông Đ, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ định kỳ theo thỏa thuận. Do đó, áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam, buộc ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam các khoản nợ bao gồm:

- Nợ gốc: 6.250.000.000 đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 09/12/2020: 1.323.810.054 đồng, trong đó lãi trong hạn là 1.284.209.589 đồng, lãi quá hạn là 39.600.465 đồng;

Tổng cộng: 7.573.810.054 đồng (bảy tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm mười nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng).

Ngoài ra ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q còn phải thanh toán cho Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam số tiền lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận tại 03 hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369, số 7708-LAV-201800618, số 7708-LAV-201800746 từ ngày 10/12/2020 cho đến khi tất toán nợ.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí là: 112.000.000 đồng + (3.573.810.054 đồng x 0,1 %) = 115.573.810 đồng (một trăm mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm mười đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 57.577.000 đồng (năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG theo Biên lai thu số 0004392, ngày 04/6/2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tín dụng" đối với bị đơn – ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q.

2. Buộc bị đơn – ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q trả cho nguyên đơn – Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam số tiền 7.573.810.054 đồng (bảy tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm mười nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng).

Ngoài ra ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q còn phải thanh toán cho Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam số tiền lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận tại 03 hợp đồng tín dụng số 7708-LAV-201800369, số 7708-LAV-201800618, số 7708-LAV-201800746 từ ngày 10/12/2020 cho đến khi tất toán nợ.

Trường hợp ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7708LCL201800616, ngày 05/11/2018; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7708LCL201800126, ngày 08/3/2018; hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800301, ngày 06/6/2018; hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800127, ngày 08/3/2018; hợp đồng thế chấp tài sản số: 7708LCL201800523, ngày 06/9/2018 để thu hồi toàn bộ khoản nợ tín dụng cho ngân hàng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Cái Quang Đ và bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí là: 112.000.000 đồng + (3.573.810.054 đồng x 0,1 %) = 115.573.810 đồng (một trăm mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm mười đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 57.577.000 đồng (năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG theo Biên lai thu số 0004392, ngày 04/6/2020.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Đức Luân